

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 09/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành.

Thẩm phán: Bà Hoàng Lan Phương.

Bà Lê Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa:

Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLPT-HNGĐ ngày 19/8/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn”. Do bản án sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2020/QĐXX-PT ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị đơn:* Anh Hoàng Minh P - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh P và chị H.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn Anh Hoàng Minh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Hoàng Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2017 tại UBND xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường hay cãi nhau, anh P hay đánh chị, do không chịu đựng được nên ngày 25/11/2019 chị bỏ về nhà bố mẹ để ở tại tiểu khu 6, thị trấn Hà Trung, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh P có lên bảo đưa về nhưng chị không đồng

ý, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thể cải thiện được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn anh Hoàng Minh P.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Nhật Nam - Sinh ngày: 06/12/2017. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị anh P phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đồng. Nếu anh P nuôi con thì chị cấp dưỡng nuôi con cùng anh P mỗi tháng là 1.000.000đồng. Hiện nay chị làm nghề nhân viên Bưu điện, lương và thu nhập thêm hàng tháng từ 6.500.000đ đến 7.500.000đ.

- *Về tài sản*: Vợ chồng có 01 mảnh đất diện tích 213m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng, địa chỉ tại Thôn T, xã H, huyện Hà Trung. Ngoài ra vợ chồng không còn loại tài sản gì khác. Nếu vợ chồng ly hôn chị đề nghị được chia đôi tài sản và muốn được chia bằng tiền vì đất này ngay cạnh nhà mẹ anh P, hiện nay chị đã có nơi ở. Vợ chồng không có nợ ai. Tại phiên tòa chị khai khi mua đất có vay tiền mua nhưng đã trả hết nợ.

* Theo bị đơn anh Hoàng Minh P trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, tính của anh hay nóng nảy, vợ chồng cãi nhau, anh cũng có đánh chị H dẫn đến chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Anh nhiều lần đến nhà bố mẹ vợ để nói chuyện đưa chị về và thăm con nhưng chị H không về. Chị H có bảo anh thuê nhà ra ở riêng nhưng anh không đồng ý. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn nhỏ nhất, chưa đến mức trầm trọng, vì con nên không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng kinh tế và nuôi dạy con.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Nhật Nam - Sinh ngày 06/12/2017 như chị H trình bày là đúng. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị H. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh là xin được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Nếu chị H được nuôi con thì anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đồng. Hiện nay anh làm nghề quản lý cửa hàng tại thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thu nhập khoảng 11.000.000đồng/tháng. Đề nghị chị H đưa con về cho anh thăm nuôi.

- *Về tài sản*: Vợ chồng có 01 diện tích đất 213m², có giấy chứng nhận QSD đất mang tên hai vợ chồng, địa chỉ tại Thôn T, xã H, huyện Hà Trung. Ngoài ra vợ chồng không còn loại tài sản gì khác. Nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị được để lại diện tích đất cho con, hiện nay anh đã có nơi ở, trường hợp phải chia đất anh đề nghị được chia đôi và anh sẽ lấy diện tích đất bên cạnh gia đình nhà bố mẹ đẻ để sau này thuận lợi cho anh hơn, ngoài ra anh cũng đề nghị được chia bằng đất, không thanh toán tiền cho nhau. Khi mua đất có vay tiền của một số người nhưng hiện nay anh chưa có tài liệu chứng cứ chứng minh nên anh không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng sinh sống thì được biết: Chị H và anh P là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hà Trung. Vợ chồng sinh sống ở nhà bố mẹ anh P, được thời gian thì vào khoảng năm 2018, anh chị hay cãi nhau địa phương cùng gia đình khuyên giải nhưng không được, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên chị H có đơn xin ly hôn. Quan điểm của địa phương thấy rằng mâu thuẫn anh chị đã trầm trọng khó có thể hòa hợp, anh chị không còn tình cảm, không thể duy trì được cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng có một con chung là Hoàng Nhật Nam, sinh năm 2017, ly hôn cần giao cháu cho chị H nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ hơn.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Hoàng Minh P.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Nhật Nam - Sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017. Giao cháu Nam cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hoàng Minh P phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị Thu H 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 đến khi cháu Hoàng Nhật Nam đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Minh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Giao cho anh Hoàng Minh P được quyền sử dụng diện tích đất tại lô số 01, tờ bản đồ số 17, diện tích 213m² đất ở nông thôn, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 589214, được UBND huyện Hà Trung cấp ngày 05/7/2018 mang tên anh Hoàng Minh P và chị Nguyễn Thị Thu H. Anh P phải trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền chênh lệch chia tài sản là: 170.410.650 đồng. (Anh P được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật). Chị Nguyễn Thị Thu H được nhận tiền chia tài sản từ anh Hoàng Minh P là: 170.410.650 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 7 năm 2020, bị đơn anh Hoàng Minh P làm đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi con chung là cháu Hoàng Nhật Nam - Sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017 và đề nghị chia tài sản sau khi trả hết công nợ, chia đôi tài sản bằng đất vì anh không có tiền trả cho chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H không rút đơn khởi kiện; bị đơn anh Hoàng Minh P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo về nuôi con, rút yêu cầu về đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến nay thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử (HĐXX) đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS quyết định theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Minh P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm 20/2019/HNGĐ-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên, quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2]. *Xét về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:*

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 và 276 BLTTDS. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đương sự không rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn được xem xét để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] *Xét kháng cáo của anh P:*

[3.1] Anh P kháng cáo đề nghị giao con cho anh nuôi và cung cấp hợp đồng với công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp Vincommerce, vị trí làm việc là nhân viên cửa hàng chi nhánh tại tỉnh Ninh Bình.

Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm cả anh P và chị H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Nhật Nam, đây là nguyện vọng chính đáng của anh và chị. Tuy nhiên khi xem xét giao cháu Nam cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét các điều kiện hiện tại của anh P và chị H nhằm đảm bảo cho cháu Nam có điều kiện phát triển tốt nhất sau khi anh và chị ly hôn.

Căn cứ hợp đồng lao động mà anh P xuất trình thể hiện anh đang làm và cư trú tại Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội với mức lương chính là 9.100.000đ/tháng (Tại phiên tòa phúc thẩm anh P khai đang làm tại chi nhánh Công ty tại tỉnh Ninh Bình). Như vậy xét về điều kiện nuôi con, anh P đi làm xa nhà, xa con, hiện nay cháu Nam đang ở cùng mẹ, chị H hiện làm tại Bưu điện huyện Hà Trung với mức

lượng và phụ cấp khác từ 6.500.000đ đến 7.500.000đ/tháng. Xét thấy, chị H có điều kiện chăm sóc con hơn anh P, hiện nay cháu Nam còn nhỏ, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật HN&GD là con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, mà hiện nay cháu Nam chưa đủ 36 tháng tuổi, nên cần giao cho mẹ nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý của cháu. Hơn nữa cháu Nam đã quen ở với mẹ, hiện cháu đang ở với mẹ, cháu phát triển bình thường, cuộc sống ổn định, nên không cần thiết phải làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Về thu nhập chị H thấp hơn anh P nên cấp sơ thẩm buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 1.000.000 đồng/1tháng là đúng quy định, phù hợp với mức thu nhập của anh P, việc anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thể hiện trách nhiệm của người bố đối với con. Không giao con cho anh P nuôi mà tiếp tục giao con cho chị H nuôi dưỡng.

[3.2] Anh P kháng cáo đề nghị chia tài sản sau khi trả hết công nợ, chia đôi tài sản bằng đất vì anh không có tiền trả cho chị H.

Nhận thấy, tại cấp sơ thẩm anh P không yêu cầu giải quyết công nợ, tại cấp phúc thẩm anh P yêu cầu giải quyết công nợ, tuy nhiên anh P không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện vợ chồng còn nợ, mặt khác chị H khai vợ chồng đã trả hết nợ, không còn nợ ai, nên không có căn cứ để xem xét về công nợ.

Về tài sản chung của vợ chồng là thửa đất tại lô số 01, tờ bản đồ số 17, diện tích 213m² đất ở nông thôn, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. HĐXX thấy rằng thửa đất có chiều rộng giáp mặt đường là 5m, còn lại 3 mặt khác đều giáp các hộ liền kề, nếu chia đôi thửa đất thì không thể tách thửa. Chị H đề nghị được lấy tiền, anh P đề nghị được lấy đất, nên cấp sơ thẩm giao đất cho anh P, buộc anh P trả phải tiền chênh lệch cho chị H là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, anh P rút yêu cầu về việc đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất nên HĐXX không xem xét nội dung kháng cáo này của anh P.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của bị đơn, anh Hoàng Minh P không có căn cứ để chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] *Về án phí*: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 38; Điều 147; Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 33; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, anh Hoàng Minh P. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí phúc thẩm: Anh Hoàng Minh P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0009173 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND cấp cao HN;
- TAND H. Hà Trung;
- VKSND, THADS H. Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Thành